KET VOCABULARY

TOPIC 7: FAMILY AND FRIENDS

No.	Words	Meaning
1.		Bạn qua thư
2.		Anh em ruột
3.		Anh em họ
4.		Chồng
5.		Vợ
6.		Cô dâu
7.		Chú rể
8.		Phù dâu
9.		Phù rể
10.		Kết hôn
11.		Đám cưới
12.		Họ
13.		Tên
14.		Chữ lót
15.		Ông bà
16.		Cháu chắt (cháu của ông bà)
17.		Cháu trai (con của an hem)
18.		Cháu gái (con của an hem)
19.		Con gái
20.		Con trai
21.		Trẻ thành niên

LIVEWORKSHEETS

22.		Ông đặt trước tên - Ông Lâm
23.		Bà đã có chồng - Bà Lan
24.		Cô/ Bà đặt trước tên
25.		Cô chưa chồng

LIVEWORKSHEETS